TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 821/2020/DS-ST Ngày: 30/9/2020 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 668/2019/TLST-DS ngày 08/10/2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 533/2020/QĐXXST-DS ngày 20/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 551/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1963; Địa chỉ: 1/112 Khu phố a, thị trấn H, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.(có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: 1/5D, ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.(có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Cao Thị Mai L, sinh năm 1982; Địa chỉ: 1/112 Khu phố a, thị trấn H, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.(có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Phạm Phú Q, sinh năm 1976; (vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1983; (vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1985; (vắng mặt)

+ Ông Phạm Ngọc G, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1/5D ấp A, xã X, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn là ông Lê Hoàng M trình bày:

Ông cho ông Phạm Văn C vay tiền từ năm 2013, vay nhiều lần tổng số tiền 200.000.000 đồng. Do ông C không trả tiền nên ngày 27/5/2018 đã ký Hợp đồng vay tiền xác nhận vay của ông số tiền 200.000.000 đồng trong 03 tháng, lãi suất 0.5%/tháng, có vợ ông C là bà Huỳnh Thị H ký bảo lãnh chịu trách nhiệm. Ông M đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng ông C không trả. Ông C đã chết cách đây hơn một năm, ông nhiều lần yêu cầu nhưng bà H không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị H phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng kèm tiền lãi 0,5% mỗi tháng từ ngày 27/5/2018 đến nay.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Phạm Văn C. Ông C đã chết ngày 05/8/2019. Bà và ông C có 04 người con là Phạm Phú Q (1976), Phạm Thị L (1983), Phạm Thị N (1985), Phạm Ngọc G (1987) ở cùng địa chỉ với bà. Vào năm 2013, ông C vay của ông M 60.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng, trả lãi theo tuần. Bà có nói ông M không cho ông C vay tiền vì không có khả năng trả nhưng ông M không nghe. Từ năm 2014, ông C bị bệnh nên chỉ trả lãi được 10.000.000 đồng, tiền lãi còn lại bị ông M cộng dồn vào nợ gốc thành 200.000.000 đồng. Ngày 27/5/2018, ông M đưa Hợp đồng vay tiền, số tiền vay 200.000.000 đồng trong 03 tháng, lãi suất 0,5%/tháng bắt ông C ký, bắt bà ký bảo lãnh. Bà không đồng ý nhưng do áp lực của ông M và không muốn ồn ào ảnh hưởng đến gia đình khi ông C đang bệnh nặng nên bà đã ký. Ông C chỉ vay của ông M 60.000.000 đồng, đã trả rất nhiều tiền lãi, bà đồng ý trả cho ông M nợ gốc 60.000.000 đồng nhưng không thể trả được do hoàn cảnh của bà quá khổ, già yếu, bệnh tật nên đề nghị ông M xóa bỏ nợ.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 13/3/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị Mai L trình bày: Bà là vợ của ông Lê Hoàng M. Số tiền ông M cho vợ chồng ông C, bà H vay là tiền cá nhân của ông M, không liên quan đến bà nên mọi tranh chấp có liên quan sẽ do ông M tự quyết định và tự chịu trách nhiệm. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp, không thắc mắc, khiếu nại gì về sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phạm Phú Q, Phạm Thị L, Phạm Thị N, Phạm Ngọc G đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lê Hoàng M yêu cầu bà Huỳnh Thị H trả tổng số tiền 218.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 18.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 27/5/2018 đến 27/9/2020 là 28 tháng, mức lãi suất 0,5%/tháng theo hợp đồng đã ký, có trừ tiền lãi ông đã nhận là 10.000.000 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H đồng ý trả cho ông Lê Hoàng M số tiền gốc bà cho rằng ông C đã vay của ông M là 60.000.000 đồng, nhưng đề nghị ông M xóa bỏ khoản nợ gốc này cho bà vì ông C đã trả cho ông M số tiền lãi rất lớn, đồng thời

hoàn cảnh của bà quá khổ không thể trả nợ cho ông M.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: theo Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2018, ông Phạm Văn C đã vay của ông Lê Hoàng M số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 0,5% mỗi tháng, vợ của ông C là bà Huỳnh Thị H ký tên là người bảo lãnh. Ông C chết ngày 05/8/2019 và chưa trả tiền cho ông M nên người bảo lãnh phải trả. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông M là có căn cứ theo quy định tại các Điều 335, 336, 342, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu người bảo lãnh phải thanh toán khoản tiền vay theo hợp đồng; Bị đơn đang thực tế cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bảo lãnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phạm Phú Q, Phạm Thị L, Phạm Thị N, Phạm Ngọc Gia đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc số tiền 200.000.000 đồng:

[3.1.1] Về số tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2018, xác định ông Phạm Văn C đã vay của ông Lê Hoàng M số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 27/5/2018. Bà H xác nhận hợp đồng do ông C và bà ký nhưng cho rằng ông C chỉ vay của ông M số tiền 60.000.000 đồng, bị cộng dồn tiền lãi thành 200.000.000 đồng mà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, và không được ông M thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Ông M trình bày và được bà H thừa nhận đây là khoản vay được ký xác nhận lại của việc vay tiền từ năm 2013 nên đây là tình tiết không phải chứng minh, và được tính từ ngày 27/5/2018 với thời hạn vay 03 tháng nên khoản vay đã đến hạn thanh toán vào ngày 27/8/2018 nhưng ông C chưa trả là vi phạm thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, xác định ông C đã vay của ông M số tiền 200.000.000 đồng từ ngày 27/5/2018 và chưa trả lại cho ông M.

[3.1.2] Về việc bảo lãnh: theo Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2018, xác định bà Huỳnh Thị H ký xác nhận là người bảo lãnh cho khoản vay nêu trên (bà là vợ của ông Phạm Văn C) là phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa, bà H xác nhận hợp đồng này do ông C ký, còn bà ký chỉ với mục đích xác nhận việc ông C có vay tiền của ông M. Tuy nhiên, tại phần ký xác nhận ngoài chữ ký và họ tên bà H còn ghi nội dung bà đồng ý bảo lãnh và chịu trách nhiệm cùng chồng nên ý kiến của bà H về việc chỉ ký chứng kiến là không có cơ sở xem xét. Người vay tiền là ông Phạm Văn C đã chết mà chưa trả lại khoản tiền vay cho ông M nên người bảo lãnh là bà Huỳnh Thị H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, theo quy định tại Điều 342 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu tính lãi: tại Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2018 có thỏa thuận lãi suất 0,5%/tháng. Lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/năm tương ứng 0,83%/tháng. Nên thỏa thuận về lãi suất của các bên tại hợp đồng thấp hơn mức lãi suất theo quy định của pháp luật là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn với mức lãi suất 0,5%/tháng từ ngày 27/5/2018 là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 200.000.000 đồng x 0,5% x 28 tháng (tính từ 27/5/2018 đến 27/9/2020) = 28.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận đã nhận 10.000.000 đồng tiền lãi nên tiền lãi phía bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn đến ngày 27/9/2020 là 18.000.000 đồng. Việc bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi rất nhiều cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh, phía nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét.

[4] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Bà Huỳnh Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên phải tự chịu trách nhiệm.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc bà H phải thanh toán cho ông M số tiền 218.000.000 đồng, gồm 200.000.000 đồng nợ gốc và 18.000.000 đồng nợ lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 27/5/2018. Việc bà H cho rằng chỉ vay của ông M số tiền 60.000.000 đồng và đề nghị ông M xóa nợ là không có cơ sở xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều

39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 266; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 335; Điều 336 và Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng M:

Buộc bà Huỳnh Thị H phải thanh toán cho ông Lê Hoàng M số tiền 218.000.0000 đồng gồm nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi là 18.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 27 tháng 5 năm 2018.

Kể từ ngày ông Lê Hoàng M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị H chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải chịu số tiền 10.900.000 đồng nhưng được miễn nộp do thuộc trường hợp người cao tuổi. Trả lại cho Lê Hoàng M số tiền 5.300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008613 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.